



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

(Kèm theo quyết định số/with decision No : / QĐ - VPCNCL ngày tháng năm 2025
của Giám đốc Văn phòng Công nhận chất lượng quốc gia/ of BoA Director)

Tên Tổ chức giám định: **CÔNG TY TNHH GIÁM ĐỊNH PHÂN TÍCH INTECH CONTROL**
Name of Inspection Body: **INTECH CONTROL ANALYSE INSPECTION COMPANY LIMITED**
Mã số công nhận
Accreditation Code: **VIAS 109**
Chuẩn mực công nhận
Accreditation standard: **ISO/IEC 17020:2012**
Địa chỉ trụ sở chính: **Lô E1-15, khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam**
Head office address: **Lot E1 – 15, Van Hanh Quarter, Phu My Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**
Địa điểm công nhận: **Lô E1-15, khu phố Vạn Hạnh, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.**
Accreditation locations: **Lot E1 – 15, Van Hanh Quarter, Phu My Ward, Ho Chi Minh City, Viet Nam**
Điện thoại/ Tel: **(84-28) 254 6270 368**
Email: **Operation@intechcontrol.com** Website:
Loại tổ chức giám định: **Loại A**
Type of Inspection: **Type A**
Người đại diện: **Giáp Văn Điệp**
Authorized Person: **Giap Van Diep**
Hiệu lực công nhận đến /
Period of Validation : **Kể từ ngày / / 2025 đến ngày / / 2030**



PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

PHẠM VI GIÁM ĐỊNH ĐƯỢC CÔNG NHẬN
SCOPE OF ACCREDITED INSPECTIONS

Lĩnh vực giám định <i>Field of Inspection</i>	Nội dung giám định <i>Type and Range of Inspection</i>	Phương pháp, qui trình giám định <i>Inspection Methods/ Procedures</i>	Địa điểm và/hoặc bộ phận liên quan <i>Location(s) and/or relating division(s)</i>
Khoáng sản: Than đá Mineral: Coal	– Lấy mẫu – Chất lượng (đặc tính hoá, lý) – <i>Sampling</i> – <i>Quality (chemical, physical characteristics)</i>	PPGD. 09	Phòng nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Khoáng sản: Thạch cao Mineral: Gypsum	– Lấy mẫu – Chất lượng (độ ẩm) – <i>Sampling</i> – <i>Quality (moisture)</i>	PPGD. 20	Phòng nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Định lượng: Hàng hoá Quantity: Cargo	– Khối lượng theo cân cầu, theo món tàu và xà lan – Khối lượng hàng rời đổ đóng bằng thiết bị toàn đạc – <i>Quantity by weighhouse, draft survey vessel and barge</i> – <i>Stockpile survey by total station</i>	PPGD. 03 PPGD. 08 PPGD. 10 PPGD. 13 PPGD. 14 PPGD. 15 PPGD. 16 PPGD. 18 PPGD. 21	Phòng nghiệp vụ <i>Technical Division</i>
Hàng hải: Tàu, sà lan, container Marine: Vessel, barge, container	– Giám định con tàu trước khi cho thuê – nhận lại – Kín chắc hầm hàng, sạch sẽ hầm hàng, niêm phong, kẹp chì – Tình trạng container bách hóa kín bằng thép – <i>On hire - off hire vessel survey</i> – <i>Hold tightness survey, clean, sealing plan</i> – <i>Condition of general-purpose steel dry container</i>	PPGD. 13 PPGD. 14 PPGD. 15 PPGD. 16 PPGD. 18 PPGD. 19	Phòng nghiệp vụ <i>Technical Division</i>

Ghi chú/ Note:

- PPGD. xx: Phương pháp giám định do tổ chức giám định xây dựng/ *IB's developed methods*



VĂN PHÒNG CÔNG NHẬN CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA (BoA)
CHƯƠNG TRÌNH CÔNG NHẬN TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH VIỆT NAM (VIAS)

PHỤ LỤC CÔNG NHẬN
APPENDIX OF INSPECTION ACCREDITATION

Trường hợp Công ty TNHH Giám định Phân tích INTECH CONTROL cấp dịch vụ giám định thì Công ty TNHH Giám định Phân tích INTECH CONTROL phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này./ *It is mandatory for the INTECH CONTROL Analyze Inspection Company Limited that provides inspection services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

DANH MỤC PHƯƠNG PHÁP/ QUI TRÌNH GIÁM ĐỊNH
LIST OF INSPECTION METHODS/ PROCEDURES

Tên phương pháp/ qui trình giám định <i>Name of inspection methods/ procedures</i>	Mã số phương pháp / qui trình giám định, lần và / hoặc năm ban hành <i>Code of inspection methods/ procedures, issued version and/or year</i>
Giám định khối lượng bằng cân cầu	PPGD.03 (2025)
Giám định khối lượng qua mưốn nước (tàu biển)	PPGD.08 (2025)
Giám định than đá	PPGD.09 (2025)
Giám định khối lượng qua mưốn nước (xà lan)	PPGD.10 (2025)
Giám định quy cách phẩm chất	PPGD.11 (2025)
Giám định vệ sinh hầm tàu	PPGD.13 (2025)
Giám định On - Off hire	PPGD.14 (2025)
Giám định kín chắc hầm tàu	PPGD.15 (2025)
Gám định tình trạng container	PPGD.16 (2025)
Giám định niêm chì (kẹp chì)	PPGD.18 (2025)
Giám định thể tích	PPGD.19 (2025)
Giám định thạch cao dùng để sản xuất xi măng	PPGD.20 (2025)
Giám định khối lượng hàng rời đổ đồng bằng thiết bị toàn đạc	PPGD.21 (2025)


PKM